

Số: 10/2024/TT-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định phương pháp lập giá điều độ vận hành hệ thống điện
và điều hành giao dịch thị trường điện lực**

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp lập giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn phương pháp lập giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực từ khi Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trở thành đơn vị hạch toán độc lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện từ khi trở thành đơn vị hạch toán độc lập;
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy, điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

2. *Giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực* bao gồm giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị

trường điện lực được quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Điện lực (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 73 Luật Giá số 16/2023/QH15).

3. *Năm N* là năm dương lịch áp dụng giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

4. *Năm N-1* là năm dương lịch liền trước năm *N*.

5. *Năm N-2* là năm dương lịch liền trước năm *N-1*.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP LẬP GIÁ ĐIỀU ĐỘ VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐIỆN VÀ ĐIỀU HÀNH GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Điều 3. Phương pháp lập giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực

1. Giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực được xác định hằng năm trên cơ sở các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ và có lợi nhuận cho phép để Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến điều độ, vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực trong năm.

2. Giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm *N* (g_N) được xác định theo công thức sau:

$$g_N = \frac{G_N}{A_{SLN}}$$

Trong đó:

G_N : Tổng doanh thu điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho phép năm *N* của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện (đồng), được xác định theo quy định tại Điều 4 Thông tư này;

A_{SLN} : Tổng sản lượng điện năng giao nhận đầu nguồn của các đơn vị mua buôn điện trên thị trường bán buôn điện năm *N* ((tại các điểm giao nhận giữa lưới truyền tải điện và lưới phân phối điện và tại các điểm giao nhận với các nhà máy điện trên lưới phân phối) theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành. Trong giai đoạn đầu vận hành thị trường điện bán buôn, đơn vị mua buôn điện bao gồm 05 Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty

Điện lực miền Trung, Tổng công ty Điện lực miền Nam, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội và Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh) (kWh).

Điều 4. Phương pháp xác định tổng doanh thu điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho phép hằng năm

Tổng doanh thu điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho phép năm N (G_N) bao gồm các thành phần chi phí vốn cho phép ($C_{CAP_{TN}}$), chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép ($C_{OM_{TN}}$), lợi nhuận cho phép (LN_N) và lượng điều chỉnh doanh thu năm N (D_{GT_N}), được xác định theo công thức sau:

$$G_N = C_{CAP_N} + C_{OM_N} + LN_N - D_{GT_N}$$

Trong đó:

- C_{CAP_N} : Tổng chi phí vốn cho phép năm N (đồng), được xác định theo quy định tại Điều 6 Thông tư này;
- C_{OM_N} : Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép năm N (đồng), được xác định theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;
- LN_N : Lợi nhuận cho phép dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;
- D_{GT_N} : Lượng điều chỉnh doanh thu năm N (đồng), được xác định bằng thu nhập ròng từ thanh lý, bán tài sản cố định, vật tư thiết bị dự kiến năm N (căn cứ kế hoạch thanh lý, bán tài sản và vật tư thiết bị năm N).

Điều 5. Phương pháp xác định lợi nhuận cho phép

Lợi nhuận cho phép dự kiến năm N (LN_N) của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện được xác định theo công thức sau:

$$LN_N = V_{CSH_N} \times ROE_N$$

Trong đó:

- V_{CSH_N} : Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày 30 tháng 6 trong trường hợp chưa có số liệu thời điểm ngày 31 tháng 12) năm $N-1$ (đồng);
- ROE_N : Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu năm N của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện (%), được căn cứ theo phương án giá bán lẻ điện bình quân hiện hành hoặc

quyết định của cơ quan có thẩm quyền, không vượt quá 10% trong giai đoạn đến năm 2030.

Điều 6. Phương pháp xác định tổng chi phí vốn cho phép

1. Tổng chi phí vốn cho phép năm N (C_{CAP_N}) được xác định theo công thức sau:

$$C_{CAP_N} = C_{KH_N} + C_{TC_N} + CLTG_{TT_N} + CLTG_{DGL_N}$$

Trong đó:

C_{KH_N} : Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này;

C_{TC_N} : Tổng chi phí tài chính dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này;

$CLTG_{TT_N}$: Chênh lệch tỷ giá thực hiện dự kiến phát sinh do trả nợ vay bằng ngoại tệ năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này;

$CLTG_{DGL_N}$: Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định dự kiến năm N (C_{KH_N}) được xác định theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính.

3. Tổng chi phí tài chính dự kiến năm N (C_{TC_N}) bao gồm lãi vay ngắn hạn, dài hạn, trái phiếu, thuê tài chính và các khoản phí để vay vốn phải trả, được xác định theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê tài chính của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

4. Chênh lệch tỷ giá thực hiện dự kiến phát sinh do trả nợ vay bằng ngoại tệ năm N ($CLTG_{TT_N}$) được xác định theo quy định tài chính kế toán.

5. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại dự kiến năm N ($CLTG_{DGL_N}$) được xác định theo quy định tài chính kế toán.

Điều 7. Phương pháp xác định tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép

1. Tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép năm N (C_{OM_N}) được xác định theo công thức sau:

$$C_{OM_N} = C_{VL_N} + C_{TL_N} + C_{SCL_N} + C_{MN_N} + C_{K_N}$$

Trong đó:

- C_{VLN} : Tổng chi phí vật liệu dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- C_{TLN} : Tổng chi phí tiền lương dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- C_{SCLN} : Tổng chi phí sửa chữa lớn dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- C_{MNN} : Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- C_{KN} : Tổng chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N (đồng), được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Tổng chi phí vật liệu dự kiến năm N (C_{VLN}) được xác định trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán độc lập kiểm toán năm $N-2$, loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm $N-2$, tính trượt giá từng năm theo bình quân chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp của 5 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng giá được Tổng cục Thống kê công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm $N-2$.

3. Tổng chi phí tiền lương dự kiến năm N (C_{TLN}) được xác định theo công thức sau:

$$C_{TLN} = C_{LN} + C_{TCLN}$$

Trong đó:

- C_{LN} : Chi phí tiền lương của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động và tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trong đó bao gồm chế độ an toàn điện;
- C_{TCLN} : Chi phí có tính chất lương của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện bao gồm bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn được xác định theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổng chi phí sửa chữa lớn dự kiến năm N (C_{SCLN}) được xác định trên cơ sở dự toán các hạng mục sửa chữa lớn năm N do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương pháp xác định tổng chi phí dịch vụ mua ngoài

a) Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N (C_{MN_N}) bao gồm:

- Chi phí trả cho tổ chức, cá nhân ngoài đơn vị để cung cấp các dịch vụ sau: điện, nước, phần mềm, dịch vụ điện thoại, viễn thông, sách báo; các khoản chi mua và sử dụng tài liệu kỹ thuật; chi phí bảo dưỡng các phần mềm tính toán; chi phí thuê tư vấn kiểm toán; chi phí dịch vụ an ninh, bảo vệ (nếu có); chi phí thuê văn phòng, trụ sở làm việc; chi phí bảo hiểm tài sản;

- Chi phí cho các dịch vụ khác theo quy định có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ để phục vụ cho công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện năm N trong trường hợp cần thiết.

b) Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài dự kiến năm N (C_{MN_N}) được xác định trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán độc lập kiểm toán năm $N-2$, loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm $N-2$, tính trượt giá từng năm theo bình quân chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp của 5 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng giá được Tổng cục Thống kê công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm $N-2$.

6. Phương pháp xác định tổng chi phí bằng tiền khác

a) Tổng chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N (C_{KN}) bao gồm: các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền ăn ca và chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N . Các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền ăn ca dự kiến năm N được xác định theo quy định hiện hành;

b) Chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N bao gồm: công tác phí; chi phí hội nghị, tiếp khách; chi phí đào tạo; chi phí nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến; chi phí dân quân tự vệ, bảo vệ, chi phí phòng chống và khắc phục các trường hợp bất khả kháng như phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đình công, khủng bố; phòng cháy chữa cháy; chi phí bảo hộ lao động, trang phục làm việc, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và môi trường; chi phí nước uống trong giờ làm việc, bồi dưỡng hiện vật ca đêm, độc hại; chi phí sơ cấp cứu tai nạn lao động, thuốc chữa bệnh thông thường, phục hồi chức năng cho người lao động và chi phí tuyển dụng và các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Chi phí bằng tiền khác dự kiến năm N được xác định trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán độc lập kiểm toán năm $N-2$, loại trừ các chi phí đột biến bất thường của năm $N-2$, tính trượt giá từng năm theo bình quân chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp của 5 năm gần nhất trước đó tại thời điểm xây dựng giá được Tổng cục Thống kê công bố và bổ sung chi phí hợp lý phát sinh dự kiến năm N nhưng chưa được tính hoặc chưa được tính đầy đủ cho năm $N-2$.

7. Trường hợp có số liệu đã được kiểm toán độc lập kiểm toán năm $N-1$, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam sử dụng số liệu kiểm tra các khoản chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác của năm $N-1$ để tính chi phí tương ứng của năm N .

Điều 8. Tài liệu phục vụ tính toán giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực

1. Báo cáo về các cơ sở xây dựng giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N .

2. Thuyết minh và các bảng tính giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N , gồm:

a) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện doanh thu, chi phí, các chỉ tiêu tài chính như tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, cơ cấu vốn chủ sở hữu và vốn vay, tỉ lệ tự đầu tư, tỉ lệ thanh toán nợ năm $N-1$.

b) Thuyết minh và tính toán lợi nhuận cho phép năm N (LN_N) của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, gồm:

- Vốn chủ sở hữu dự kiến năm N ;
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu dự kiến năm N .

c) Thuyết minh và tính toán tổng chi phí vốn cho phép năm N ($C_{CAP_{TTN}}$) của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, gồm:

- Tổng chi phí khấu hao năm N : Bảng tổng hợp trích khấu hao tài sản cố định năm N , bảng tính chi tiết chi phí khấu hao cơ bản theo từng loại tài sản cố định trong năm N (bao gồm cả bảng tính khấu hao của các tài sản dự kiến vào vận hành trong năm);

- Tổng chi phí tài chính và các khoản chênh lệch tỷ giá năm N : Bảng tính chi tiết chi phí tài chính, chi tiết lãi vay và các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm N theo từng hợp đồng tín dụng, hợp đồng thuê tài chính của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

d) Thuyết minh và tính toán tổng chi phí vận hành và bảo dưỡng cho phép năm N ($C_{OP_{TTN}}$), gồm:

- Tổng chi phí vật liệu năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí vật liệu dự kiến của năm N theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

- Tổng chi phí tiền lương năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này;

- Tổng chi phí sửa chữa lớn năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí sửa chữa lớn trong năm N theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này;

- Tổng chi phí dịch vụ mua ngoài năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí dịch vụ mua ngoài theo các hạng mục dự kiến của năm N theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này;

- Tổng chi phí bằng tiền khác năm N : Thuyết minh và bảng tính chi phí bằng tiền khác dự kiến cho năm N theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư này.

đ) Thuyết minh và tính toán tổng doanh thu điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho phép năm N .

3. Các tài liệu kèm theo, gồm:

a) Danh mục và giá trị các dự án đầu tư đã hoàn thành, dự kiến đưa vào vận hành tới ngày 31 tháng 12 năm $N-1$ và năm N (theo từng tháng).

b) Bảng tổng hợp về số lao động năm $N-1$ và kế hoạch năm N .

c) Danh mục các hạng mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm $N-1$ và dự kiến cho năm N .

d) Báo cáo tài chính năm $N-2$ (và báo cáo tài chính năm $N-1$ trong trường hợp đã có) đã được kiểm toán do cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện.

Điều 9. Tài liệu phục vụ tính toán giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực điều chỉnh

1. Trường hợp có chênh lệch giữa các thông số tính toán giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực với số liệu thực tế làm giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực ước thực hiện thay đổi so với mức giá đã được phê duyệt, giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực sẽ được điều chỉnh theo báo cáo của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Tài liệu phục vụ tính toán giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N điều chỉnh bao gồm:

a) Báo cáo về cơ sở xây dựng giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực điều chỉnh năm N ;

b) Thuyết minh, bảng tính giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực điều chỉnh của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư này;

c) Các tài liệu, văn bản chứng minh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hợp đồng dịch vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Hợp đồng dịch vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện được ký kết giữa Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thanh toán chi phí điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng và báo cáo theo quy định của pháp luật về giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm xác định, hạch toán doanh thu, chi phí; lập và sử dụng hóa đơn; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp, pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Cục Điều tiết điện lực có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ Tổ chức cán bộ thẩm định giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cục Điều tiết điện lực thực hiện việc trình phê duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật về phân công của Chính phủ quy định thẩm quyền phê duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Khi trở thành đơn vị hạch toán độc lập, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện chủ trì, phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam xây dựng và báo cáo phương án tính toán chi phí để xác định giá điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực theo quy định tại Thông tư này để báo cáo Cục Điều tiết điện lực thẩm định theo quy định. Trong thời gian giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực chưa được phê duyệt, các bên thỏa thuận việc tạm thanh toán tại hợp đồng dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho đến khi giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực của năm được phê duyệt. Phần chênh lệch giữa thanh toán tạm tính và thanh toán theo giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực của năm được các bên quyết toán lại sau khi giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực của năm được phê duyệt.

Điều 13. Nguyên tắc áp dụng giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực

Trường hợp giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N chưa được phê duyệt trước ngày 31 tháng 12 năm $N-1$, các bên thỏa thuận việc tạm thanh toán tại hợp đồng dịch vụ điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực cho đến khi giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N được phê duyệt. Các bên có thể thỏa thuận áp dụng giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm $N-1$ đối với trường hợp tạm thanh

toán. Phần chênh lệch giữa thanh toán tạm tính và thanh toán theo giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực mới (năm N) được các bên quyết toán lại sau khi giá điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực năm N được phê duyệt.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, yêu cầu các đơn vị có liên quan báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Toà án Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Lưu: VT, PC, ĐTĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài